

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HS-PT
Ngày 24-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Ông Nguyễn Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phố-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc V - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 94/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo: Nguyễn Thị D, sinh năm 1969, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố T, phường U, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị T (đã chết); có chồng tên Đặng Thành N, sinh năm 1969; có 02 người con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2004); Tiền án, tiền sự: Chưa có; bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt.

Bị hại:

1/ Bà Trần Thị K, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở hiện nay: Khu phố T, phường N, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2/ Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993;

3/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981;

4/ Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979;

5/ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1978;

6/ Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1984;

Cùng cư trú: khu phố P, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

7/ Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1962;

8/ Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1972;

9/ Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm 1965;

10/ Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm 1972;

Cùng cư trú tại: khu phố D, phường H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

11/ Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1961; cư trú tại: khu phố L, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

12/ Chị Bùi Thị Hồng P, sinh năm 1990; cư trú tại: khu phố L, phường M, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Thành N, sinh năm 1969; cư trú tại: Khu phố T, phường L, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

Bị hại, người liên quan không có kháng cáo; Tòa án không triệu tập

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Nguyễn Thị D bắt đầu tổ chức góp hội để hưởng huê hồng. Trong quá trình tổ chức góp hội, do có nhiều hội viên đã hốt hội nhưng không đóng hội hoặc đóng hội trễ, D phải tự lấy tiền cá nhân để chi trả cho các hội viên khác. Đến khoảng tháng 01/2023, D mất khả năng chi trả nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền góp hội của các hội viên để tiếp tục duy trì việc góp hội; nắm bắt tâm lý có nhiều hội viên nuôi hội và không thường xuyên tham gia khai hội nên D đã dùng thủ đoạn gian dối là tự ý lấy tên hội viên có tham gia góp hội để lĩnh hội mà không được sự đồng ý của hội viên. Đến tháng 6/2023, D tuyên bố vỡ hội; thời điểm này có 12 dây hội đang hoạt động.

Với thủ đoạn trên, D đã chiếm đoạt số tiền 53.120.000 đồng của 12 hội viên trong 02 dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 30/3/2021, hội 01 tháng khai 01 lần. Cụ thể:

Dây thứ 1: Hội có 30 phần, đã khai được 23 kỳ. D tự ý lấy tên của hội viên Trần Thị K, kêu 860.000 đồng ở kỳ thứ 20 (ngày 30/01/2023) để lĩnh 01 phần hội; chiếm đoạt số tiền 17.120.000 đồng của 08 hội viên gồm Trần Thị K, Nguyễn Thị D, Lê Thị Trúc L, Lê Thị Trúc L, Đoàn Thị N, Đỗ Thị Đ, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thu H.

Dây thứ 2: Hội có 30 phần, đã khai được 23 kỳ. D tự ý lấy tên của hội viên Trần Thị K, kêu 1.050.000 đồng ở kỳ thứ 21 (ngày 28/02/2023) và kêu 950.000 đồng ở kỳ thứ 22 (ngày 30/3/2023) để lĩnh 02 phần hội; chiếm đoạt số tiền 36.000.000 đồng của 08 hội viên với 09 phần hội gồm Trần Thị K (02 phần), Nguyễn Thị D, Đỗ Thị Đ, Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Thành N, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị C, Bùi Thị Hồng P.

Đối với 10 dây hội còn lại, qua điều tra có căn cứ xác định Nguyễn Thị D không chiếm đoạt tiền góp hội của các hội viên.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Tiền phạt bổ sung bị cáo sung quỹ Nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị D có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị D số tiền 6.140.000 (sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành N số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Tuấn A số tiền 6.140.000 (sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đỗ Thị Đ số tiền 6.140.000 (sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đoàn Thị N số tiền 2.140.000 (Hai triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị T số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị C số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thu H số tiền 2.140.000 (Hai triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Bùi Thị Hồng P số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Thị Trúc L số tiền 2.140.000 (Hai triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Thị Trúc L số tiền 2.140.000 (Hai triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

Khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp là 43.180.000 (Bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng tại biên lai số 0006506 ngày 02/5/2024 của chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số: 186/LKB-ĐCSKT ngày 28/3/2024

để đảm bảo thi hành án

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.149.000 (Hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, bị cáo Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chuyển hình phạt tù giam cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đều hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xác định trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Bị cáo có tổ chức chơi hụi từ năm 2019, quá trình tổ chức các hợp đồng góp hụi, do có nhiều người đã trúng hụi nhưng sau đó không đóng lại hụi chết hoặc đóng trễ cho bị cáo. Bị cáo phải dùng tiền cá nhân để chi trả cho các hụi viên khác trúng hụi, kéo dài đến khoảng 01 năm 2023 thì bị cáo mất khả năng chi trả. Nhằm bắt được tâm lý của các hụi viên thường nuôi hụi, cho nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách tự ý lấy tên hụi viên để lĩnh hụi, mà không được sự đồng ý của hụi viên, đến tháng 6 năm 2023 thì bị cáo tuyên bố vỡ hụi. Thời điểm này còn 12 dây hụi chưa kết thúc. Bị cáo tự ý lấy tên hụi viên là bà Trần Thị K trúng hụi, đã chiếm đoạt tổng cộng **53.120.000** đồng của 12 hụi viên.

Với hành vi của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] **Vụ án mang tính chất** nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến lĩnh vực quản lý hành chính

Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại, cụ thể đã trả hết tiền bồi thường cho bị hại Trần Thị K; nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng số tiền 43.120.000.000 đồng để bồi thường cho 11 bị hại còn lại với số tiền là 42.980.000 đồng; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, không nặng.

Bị cáo kháng cáo và có cung cấp thêm tài liệu chứng minh bị cáo có cha là người có công với cách mạng được nhà nước công nhận và trợ cấp xã hội; có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; có cậu là Liệt sỹ, gia đình bị cáo thờ cúng Liệt sỹ. Xét thấy bị cáo đã thể hiện ý chí khắc phục hậu quả (Khắc phục xong) và hành vi của bị cáo không còn nguy hiểm cho xã hội. Căn cứ các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và được sửa đổi bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển cho bị cáo được hưởng án treo.

Từ những phân tích nêu trên, chấp nhận kháng cáo của bị cáo; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị D.

Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án

treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là 03 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (24-7-2024).

Căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Tiền phạt bổ sung bị cáo sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường K, thị xã L, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục, gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Công an thị xã Trảng Bàng;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Diệp

